

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2861**/2015/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày **03** tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên
địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/09/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường – Bộ Tài chính về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 13 về việc quy định mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2138/TTr-STC-QLCSGC ngày 19/6/2015 đề nghị ban hành Quy định phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh như sau:

1. Đối tượng nộp phí

Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Mức thu phí:

a) Trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò:

Số TT	Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 1 tỷ đồng trở xuống	2.000.000
2	Từ trên 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	4.000.000
3	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	6.000.000
4	Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	8.000.000
5	Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	10.000.000
6	Từ trên 100 tỷ đồng	12.000.000

b) Trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản:

Số TT	Diện tích khu vực đấu giá	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 0,5 ha trở xuống	2.000.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	4.000.000
3	Từ trên 2 ha đến 5 ha	6.000.000
4	Từ trên 5 ha đến 10 ha	8.000.000
5	Từ trên 10 ha đến 50 ha	10.000.000
6	Từ trên 50 ha	12.000.000

3. Quản lý và sử dụng phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

- Hội đồng bán đấu giá tài sản do Nhà nước thành lập được sử dụng số tiền phí thu được của người tham gia đấu giá để trang trải các chi phí cho Hội đồng đấu giá tài sản, nếu thừa nộp vào ngân sách nhà nước.

- Các Trung tâm dịch vụ bán đấu giá là đơn vị sự nghiệp để lại 80% số tiền phí thu được của người tham gia đấu giá để trang trải cho việc bán đấu giá, nộp ngân sách 20%.

- Các tổ chức, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản: Phí tham gia đấu giá thu được là doanh thu của đơn vị. Đơn vị phải thực hiện nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

Điều 2. Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh và các cơ quan liên quan, căn cứ Quyết định này và các quy định của pháp luật hiện hành, hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong quá trình tổ chức thu, quản lý sử dụng số thu các loại phí, lệ phí theo đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*km*

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Bộ Tài chính, Bộ TN&MT;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH Thanh Hóa;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- UB MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTC (QDCD 15-009).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Đình Xứng